TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 19-02-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hồng Diên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980; vắng mặt;

Chị Lâm Thị Thu T, sinh năm 1984; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 05, ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Do quen biết nên ngày 02/3/2018 dương lịch vợ chồng bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Lâm Thị Thu T vay số tiền 125.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận lãi miệng lãi suất 3%/tháng, thời gian trả tiền 05 ngày, không thế chấp tài sản khi vay tiền. Anh P có viết và ký nhận họ tên người vay tiền vào giấy vay tiền vào ngày 02/3/2018; riêng chữ ký "T" và chữ viết họ tên" Lâm Thị Thu T" do anh P tự viết và ký nhận. Ông Nguyễn Văn T – chồng bà trực tiếp giao số tiền trên cho anh P tại quán cà phê, bà không biết chị T có biết việc anh P vay tiền của vợ chồng bà hay không. Từ khi anh P ký giấy vay tiền đến nay, anh P và chị T không trả cho vợ chồng bà khoản tiền nợ gốc hay tiền lãi nào.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả cho bà và ông T số tiền vay gốc 125.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/3/2018 đến nay (ngày 19/02/2019), vì số tiền cho vay là của vợ chồng bà.

Ngày 07/01/2019 bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị T cùng anh P có nghĩa vụ trả số tiền vay nêu trên cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2018, bị đơn chị Lâm Thị Thu T trình bày:

Chị không biết việc vay tiền giữa chồng chị (anh Nguyễn Văn P) và bà Lê Thị T. Mục đích anh P vay tiền để làm gì, vay số tiền bao nhiêu, thỏa thuận về lãi suất, thời gian trả như thế nào chị hoàn toàn không biết. Chữ ký tên "T" và chữ viết họ tên "Lâm Thị Thu T" trong giấy vay tiền ngày 02/3/2018 không phải do chị ký nhận và chị cũng không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của chị. Chị không đồng ý cùng anh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không cung cấp lời khai.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông (bà Lê Thị T) về: Số tiền cho anh Nguyễn Văn P vay là 125.000.000 đồng, thời gian vay, thời hạn trả và lãi suất thỏa thuận. Chữ viết nội dung trong giấy vay tiền do anh P viết; chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Văn P" do anh P ký nhận; chữ ký tên "T" và chữ viết họ tên "Lâm Thị Thu T" do anh P tự ký nhận.

Khi anh P vay tiền thì chị T không biết, đến khi ông đến nhà anh P yêu cầu trả tiền thì chị T mới biết việc anh P vay tiền của vợ chồng ông và không đồng ý trả số tiền vay.

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của bà T, yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/3/2018 đến nay (ngày 19/02/2019).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lê Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn P trả số tiền vay gốc 125.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/3/2018 đến ngày 19/02/2019.

Ông Nguyễn Văn T thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của bà Lê Thị T.

Anh Nguyễn Văn P và chị Lâm Thị Thu T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn T) trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng anh Nguyễn Văn P, chị Lâm Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị T.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn P.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị T yêu cầu chị Lâm Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Văn P trả số tiền nợ vay gốc và tiền lãi nêu trên.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn P, chị Lâm Thị Thu T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 125.000.000 đồng, thấy rằng: Bà Lê Thị T cung cấp bản gốc giấy vay tiền ngày 02/3/2018 có chữ ký của anh Nguyễn Văn P, chị Lâm Thị Thu T với số tiền 125.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng không có ý kiến phản đối về chứng cứ do bà T cung cấp; chị T cho rằng không vay tiền của bà T và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 02/3/2018 không phải do chị ký nhận; bà T, ông T cũng thừa nhận chữ viết "Lâm Thị Thu T"

và chữ ký "T" không phải do chị T ký nhận. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, căn cứ vào giấy vay tiền (bút lục số 34) xác định ngày vay tiền là 02/3/2018 dương lịch, tiền vay là 125.000.000 đồng, người vay là anh Nguyễn Văn P.

Xét thấy, sau khi vay tiền anh P vắng mặt tại nơi cư trú, không thông báo cho bà T biết địa chỉ nơi cư trú mới và nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng vay tài sản, vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Lê Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn P trả số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/3/2018 đến nay (ngày 19/02/2019), thấy rằng: Bà T cho rằng các bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng và từ khi ký giấy vay tiền đến nay, anh P và chị T không trả cho bà khoản tiền lãi nào. Anh P vắng mặt không có ý kiến về tiền lãi; chị T không thừa nhận khoản vay gốc và tiền lãi. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất và có cơ sở chấp nhận yêu cầu bà T, cụ thể tiền lãi được tính từ ngày 02/3/2018 đến ngày 19/02/2019 là 11 tháng 17 ngày:

125.000.000 đồng x 10%/01 năm (tương đương 0,83%/tháng) x 11 tháng 17 ngày = 12.000.416 đồng, làm tròn là 12.000.000 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn T trình bày số tiền gốc 125.000.000 đồng cho anh P vay là tài sản chung của ông T và bà T, nên bà T yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, tiền lãi cho bà T và ông T. Xét thấy, yêu cầu này của bà T là phù hợp với quy định pháp luật, ông T cũng thống nhất với yêu cầu của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh P có nghĩa vụ trả cho ông T và bà T số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 137.000.000 đồng.

[2.4] Ngày 07/01/2019 bà Lê Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị Lâm Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới cùng với anh Nguyễn Văn P trả số tiền nợ gốc và tiền lãi 137.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 137.000.000 đồng x 5% = 6.850.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân

sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn P về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn T số tiền 137.000.000 (một trăm ba mươi bảy triệu) đồng; trong đó tiền nợ gốc 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn P không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng anh P còn phải trả cho bà T, ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu chị Lâm Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Văn P trả số tiền 137.000.000 (một trăm ba mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.850.000 (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị T 3.281.000 (ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005566 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P, chị Lâm Thị Thu T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy